CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34/2026/HIO/CBTT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3/2026:

☐ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).

☒ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).

☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/10/2026 tại đường dẫn https://helioenergy.vn.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2026;
- Công văn số 66/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD hợp nhất Quý 3/2026.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ..66../2026/CV-HIO *V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD hợp nhất Quý 3/2026*	*Hà Nội, ngày ..26.. tháng ..10.. năm 2026.*

Kính gửi: ***Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;***
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ theo Thông tư 68/2024/TT-BTC ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường.

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") có mã chứng khoán là HIO xin giải trình với Quý Ủy Ban, Quý Sở về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2025	Quý 3/2026	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.400.341.596	22.348.920.804	18.948.579.208	557,26%

Quý 3 năm 2026, Công ty ghi nhận Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lãi 22.348.920.804 đồng, tăng 18.948.579.208 đồng tương ứng tăng 557,26% so với quý 3 năm 2025. Lợi nhuận sau thuế tăng chủ yếu là do trong quý 1 năm 2026 Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành, do vậy quy mô của Công ty có sự thay đổi so với cùng kỳ năm trước góp phần làm tăng kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 3, cụ thể:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng 26.126.791.173 đồng tương ứng tăng 261,37% so với cùng kỳ năm trước.

- Bên cạnh đó, các chi phí ghi nhận trong quý 3 cũng tăng lên so với cùng kỳ năm trước: chi phí tài chính của Công ty tăng 6.508.879.807 đồng tương ứng tăng 171,57%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 472.143.546 đồng tương ứng tăng 22,27%.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý 3 cũng ghi nhận tăng 185.430.656 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như Kính gửi;*
- *Lưu VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CHỦ TỊCH HĐQT

Phan Thành Đạt

HelioEnergy

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
www.helioenergy.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2026

(Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026)

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**254.251.945.858**	**39.579.595.048**
I.	**Tiền**	**110**		**26.837.587.369**	**13.951.804.186**
1.	Tiền	111	4	26.837.587.369	13.951.804.186
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**20.865.980.000**	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	5	20.865.980.000	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**184.290.410.111**	**13.731.886.917**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	182.716.226.584	13.054.158.180
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.294.387.983	637.086.353
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	9	566.919.060	152.916.488
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	7	(287.123.516)	(112.274.104)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**503.432.146**	**33.010.909**
1.	Hàng tồn kho	141		503.432.146	33.010.909
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**21.754.536.232**	**11.862.893.036**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	3.101.768.649	2.647.978.013
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		18.652.767.583	9.214.915.023
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**990.820.000.651**	**407.998.541.176**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**10.982.800.000**	**10.982.800.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	9	10.982.800.000	10.982.800.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**	11	**792.838.119.505**	**293.415.048.481**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		792.838.119.505	293.415.048.481
	- Nguyên giá	*222*		1.370.294.767.296	484.452.101.846
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(577.456.647.791)	(191.037.053.365)
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	12	**21.957.755.023**	**23.753.941.807**
	- Nguyên giá	*241*		35.093.712.424	35.093.712.424
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		(13.135.957.401)	(11.339.770.617)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**172.037.037**	-
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*252*		172.037.037	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**		**129.789.090.354**	**66.385.078.617**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	15	83.789.090.354	20.385.078.617
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	14	46.000.000.000	46.000.000.000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**35.080.198.732**	**13.461.672.271**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	32.307.936.668	10.281.072.502
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	16	1.037.291.477	1.172.976.038
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		53.786.350	103.929.812
4.	Lợi thế thương mại	279	13	1.681.184.237	1.903.693.919
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**1.245.071.946.509**	**447.578.136.224**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**446.579.405.969**	**181.734.678.001**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**149.194.487.867**	**75.770.451.604**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.851.352.569	2.434.359.599
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19	6.038.815.654	2.098.072.770
3.	Phải trả người lao động	315		273.600.000	1.027.067.747
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	3.012.068.161	2.395.303.287
5.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		119.470.875	69.750.000
6.	Phải trả ngắn hạn khác	320	20	2.241.721.000	-
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21	126.818.686.956	66.475.600.000
8.	Qũy khen thưởng, phúc lợi	323		8.838.772.652	1.270.298.201
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**297.384.918.102**	**105.964.226.397**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21	297.384.918.102	105.757.205.058
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	16	-	207.021.339
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	22	**798.492.540.540**	**265.843.458.223**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	410		420.000.000.000	210.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		420.000.000.000	210.000.000.000
2.	Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		8.415.375.558	8.415.375.558
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		160.447.517.677	47.428.082.665
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		46.343.705.293	*33.873.365.511*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		114.103.812.384	*13.554.717.154*
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		210.138.147.305	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**1.245.071.946.509**	**447.578.136.224**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	23	**68.397.105.388**	**26.857.184.125**	**182.723.912.725**	**86.530.307.930**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**		**68.397.105.388**	**26.857.184.125**	**182.723.912.725**	**86.530.307.930**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	32.274.277.068	16.861.146.978	85.386.206.967	52.031.264.316
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**36.122.828.320**	**9.996.037.147**	**97.337.705.758**	**34.499.043.614**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	13.053.384	4.833.309	270.309.620	20.134.430
6. Chi phí tài chính	23	27	10.302.607.748	3.793.727.941	24.636.322.694	12.214.646.985
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		10.272.460.607	3.731.762.618	24.545.881.271	11.962.067.380
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	2.592.467.150	2.120.323.604	9.086.224.675	6.984.914.608
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh , liên kết	27	15	7.415.572	8.799.431	404.011.737	541.533.156
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26+27)	**30**		**23.248.222.378**	**4.095.618.342**	**64.289.479.746**	**15.861.149.607**
10. Thu nhập khác	31		555.694	529.300	71.849.981.733	347.480.812
11. Chi phí khác	32		18.625.609	5.043	127.191.538	88.346.176
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(18.069.915)**	**524.257**	**71.722.790.195**	**259.134.636**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**23.230.152.463**	**4.096.142.599**	**136.012.269.941**	**16.120.284.243**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	809.980.653	498.459.576	5.149.816.973	1.540.127.509
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	71.251.006	197.341.427	(71.336.778)	885.316.514
16. Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**22.348.920.804**	**3.400.341.596**	**130.933.789.746**	**13.694.840.220**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 3 NĂM 2026 (tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.676.318.775	3.400.341.596	114.103.812.384	13.694.840.220
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.672.602.029	-	16.829.977.362	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**30a**	**471**	**149**	**3.426**	**600**
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**30b**	**471**	**149**	**3.426**	**600**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ 3 NĂM 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***136.012.269.941***	***16.120.284.243***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	(15.458.248.296)	31.820.678.829
Các khoản dự phòng	03	174.849.412	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(634.277.367)	(561.667.586)
Chi phí lãi vay	06	24.545.881.271	11.962.067.380
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***144.640.474.961***	***59.341.362.866***
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(31.614.225.357)	(17.948.258.806)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(199.909.239)	2.853.639
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	15.305.473	1.372.728.096
Giảm/(tăng) chi phí chờ phân bổ	12	3.254.818.787	(9.403.230.645)
Chi phí đi vay đã trả	14	(24.439.821.638)	(11.972.423.993)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.089.532.115)	(4.404.694.192)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(650.946.384)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***85.916.164.488***	***16.988.336.965***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(155.092.593)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	25.245.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	79.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(264.817.854.342)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	230.265.630	20.134.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(185.742.681.305)***	***25.265.134.430***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	209.491.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	26.906.608.426	64.344.316.852
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(123.685.808.426)	(111.771.816.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***112.712.300.000***	***(47.427.500.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	**50**	**12.885.783.183**	**(5.174.028.605)**
Tiền đầu năm/kỳ	**60**	**13.951.804.186**	**32.285.088.317**
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	**70**	**26.837.587.369**	**27.111.059.712**

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thanh Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của công ty là 420.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Từ ngày 18/04/2026 Công ty thực hiện thay đổi mô hình tổ chức quản lý từ mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 sang mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ủy ban kiểm toán

Các thành viên Ủy ban kiểm toán đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cấu trúc tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 33 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thông tin về tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn đã ký 3 hợp đồng với 3 cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành để nhận chuyển nhượng 17.795.102 cổ phần (tương đương 59,32% vốn điều lệ) với tổng giá mua 210.000.000.000 VND.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

Tài sản	***836.373.063.302***
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.182.145.658
Chứng khoán kinh doanh	20.865.980.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.893.285.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	92.322.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	79.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	327.797.005
Hàng tồn kho	220.368.536
Chi phí trả trước ngắn hạn	696.939.255
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.243.594.964
Tài sản cố định hữu hình	553.640.058.673
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	172.037.037
Chi phí trả trước dài hạn	25.038.534.334
Nợ phải trả	***361.215.868.355***
Phải trả người bán ngắn hạn	537.894.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.336.013.457
Phải trả người lao động	215.320.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.840.153.837
Phải trả ngắn hạn khác	52.389.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.484.097.079
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	281.250.000.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	***475.157.194.947***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***193.308.169.943***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	***281.849.025.004***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	***210.000.000.000***
(Lãi từ giao dịch mua rẻ) [(b) – (a)]	**(71.849.025.004)**

(*) Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%.

Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026).

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	210.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(8.182.145.658)
Tiền chi thuần	**201.817.854.342**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 21 công ty liên kết gián tiếp.

Thông tin chi tiết về công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
26	Công ty Cổ phần SDTT Trường Thành	59,32%	59,32%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

Thông tin chi tiết về công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện

Thông tin chi tiết về công ty liên kết gián tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40%	40%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH VVT Việt Nam	38%	38%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	48%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	46%	46%	Hà Nội	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47%	47%	Hà Nội	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Khởi Duy Solar	27,29%	46%	Hà Nội	Sản xuất điện
7	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	29,07%	49%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	29,69%	45%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
9	Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	26,69%	45%	Hà Nội	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH NHY Việt Nam	29,07%	49%	Hà Nội	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	26,69%	45%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
12	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	28,47%	48%	Hà Nội	Sản xuất điện
13	Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	27,88%	47%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	28,47%	48%	Hà Nội	Sản xuất điện
15	Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	25,51%	43%	Hà Nội	Sản xuất điện
16	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	26,10%	44%	Hà Nội	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH NDT Việt Nam	27,88%	47%	Hà Nội	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	25,51%	43%	Hà Nội	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	27,88%	47%	Hà Nội	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	26,10%	44%	Hà Nội	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	26,10%	44%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty. Công ty và công ty con áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó, Công ty thực hiện chuyển đổi số dư đầu kỳ và áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố đơn giản đối với số liệu so sánh năm trước.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Tập đoàn không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Việc thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh sẽ được xử lý như thay đổi chính sách kế toán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự

phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 49năm
Máy móc, thiết bị	8 –20năm
Tấm pin mặt trời	15 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7– 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5 năm
Tài sản cố định khác	6 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất số 13/HĐTĐ ký với UBND tỉnh Bình Thuận vào ngày 23 tháng 1 năm 2019 trong thời hạn 49 năm. Tiền thuê đất được miễn giảm trong thời gian 14 năm 7 tháng, từ tháng 12 năm 2029 đến tháng 6 năm 2034. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào Vốn khác của chủ sở hữu.

Kế toán ban đầu được xác định tạm thời

Kế toán ban đầu của việc hợp nhất kinh doanh bao gồm: Xác định và đánh giá giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua và giá phí hợp nhất kinh doanh.

Nếu kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh chỉ có thể xác định một cách tạm thời vào cuối kỳ mà việc hợp nhất kinh doanh được thực hiện do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ có thể xác định một cách tạm thời, thì bên mua phải kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh bằng cách sử dụng các giá trị tạm thời đó. Bên mua phải ghi nhận các khoản điều chỉnh đối với những giá trị tạm thời như là kết quả của việc hoàn tất việc kế toán ban đầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua.

Những điều chỉnh đối với kế toán ban đầu được xác định tạm thời cho giao dịch hợp nhất kinh doanh sau khi việc kế toán đó hoàn tất sẽ chỉ được ghi nhận nhằm mục đích sửa chữa sai sót, những điều chỉnh này không được ghi nhận là ảnh hưởng của thay đổi ước tính kế toán mà được ghi nhận trong kỳ hiện tại và các kỳ tương lai

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được ký kết và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận theo sản lượng điện hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Giá bán điện được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Tiền mặt	2.865.624.210	2.303.815.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.971.963.159	11.647.989.186
	26.837.587.369	**13.951.804.186**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Chứng chỉ quỹ	20.865.980.000	-
	20.865.980.000	**-**

Đây là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2026 theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber là 24.279.329.485 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Phải thu từ các bên khác	182.171.906.584	12.717.198.180
- Công ty Điện Lực Đắk Lắk - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Trung	*3.857.892.271*	*2.960.140.353*
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	*804.139.470*	*810.316.951*
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực Miền Trung	*2.460.618.700*	*2.490.985.130*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng năng lượng Oscar	*2.823.700.028*	*3.450.700.012*
- Công ty mua bán điện (i)	*170.551.296.826*	*-*
- Phải thu các khách hàng khác	*1.674.259.289*	*3.005.055.734*
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	544.320.000	336.960.000
Tổng cộng	**182.716.226.584**	**13.054.158.180**
Dự phòng phải thu khó đòi	(187.123.516)	(112.274.104)

(i) Theo Biên bản làm việc ngày 18/3/2025 giữa Công ty Cổ phần SD Trường Thành (SDTT) và Công ty Mua bán điện (EPTC) (EVN) về việc rà soát việc thực hiện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, EPTC viện dẫn các căn cứ pháp lý, gồm Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2024; và mục 4, điểm 2.2 Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12/12/2024 của Bộ Công Thương về tháo gỡ vướng mắc cho các dự án điện năng lượng tái tạo, như sau: *"Đối với các dự án đang được hưởng giá FIT có vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền do không đáp ứng đủ điều kiện được hưởng giá FIT thì không được hưởng giá FIT ưu đãi mà phải xác định lại giá mua bán điện theo quy định; thu hồi lại các khoản giá FIT ưu đãi đã được hưởng không đúng thông qua bù trừ thanh toán tiền mua điện"*. Theo đó, EPTC đề nghị trong thời gian chờ hướng dẫn/kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền, EPTC thực hiện tạm thanh toán tiền điện kể từ kỳ tháng 01/2025 theo nguyên tắc áp dụng mức giá tương đương giá FIT hoặc giá trần của khung giá chuyển tiếp có hiệu lực tại thời điểm dự án có văn bản kiểm tra công tác nghiệm thu. Sau khi có kết luận, hai bên sẽ sửa đổi Hợp đồng (nếu có) và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa SDTT và (EPTC) (EVN) về phương án tháo gỡ vướng mắc Dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, EPTC có ý kiến như sau: *"Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày*

hai bên ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực, Bên Mua sẽ cam kết thanh toán toàn bộ số tiền Bên mua giữ lại từ kỳ thanh toán tháng 01/2025 đến thời điểm hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực và Bên mua không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi chậm trả nào". Đến thời điểm lập báo cáo này, SDTT và EPTC vẫn chưa thực hiện ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung.

7. NỢ XẤU

	Tại 30/09/2026			Tại 01/01/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng						
SYS Energy Pte, LTD – Phải thu tiền bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	01 – 02 năm	374.247.014	(187.123.516)	6 tháng – 01 năm	374.247.014	(112.274.104)
Phải thu khác						
Công ty TNHH Sản xuất Nội thất Mỹ - Đặt cọc thuê mái	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	(100.000.000)	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	-
Cộng		**474.247.014**	**(287.123.516)**		**474.247.014**	**(112.274.104)**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction	151.200.000	467.328.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	-	113.260.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	822.212.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Hoàng	98.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	222.975.983	56.497.393
	1.294.387.983	**637.086.353**

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản đặt cọc	56.000.000	51.000.000
Các khoản khác	510.919.060	101.916.488
	566.919.060	**152.916.488**
b. Dài hạn		
Các khoản đặt cọc	10.982.800.000	10.982.800.000
	10.982.800.000	**10.982.800.000**

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.557.840.196	1.457.967.416
Chi phí bảo hiểm	800.940.083	94.385.813
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	742.988.370	1.095.624.784
	3.101.768.649	**2.647.978.013**
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	18.057.405.808	8.076.242.703
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10.382.414.028	-
Chi phí sửa chữa thi công văn phòng, nhà máy	2.805.706.855	1.338.442.533
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.062.409.977	866.387.266
	32.307.936.668	**10.281.072.502**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu kỳ	**8.013.289.807**	**149.569.505.728**	**102.201.818**	**85.769.765.346**	**240.997.339.147**	**-**	**484.452.101.846**
Tăng trong năm	-	-	155.092.593	-	-	-	155.092.593
Tăng do hợp nhất kinh doanh	233.830.052.417	211.427.152.669	-	664.207.000	439.653.909.063	112.251.708	885.687.572.857
Số dư cuối kỳ	**241.843.342.224**	**360.996.658.397**	**257.294.411**	**86.433.972.346**	**680.651.248.210**	**112.251.708**	**1.370.294.767.296**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu kỳ	**3.191.548.013**	**68.698.548.400**	**84.160.805**	**41.644.590.147**	**77.418.206.000**	**-**	**191.037.053.365**
Khấu hao trong kỳ	6.276.444.210	18.336.764.209	29.214.352	6.731.505.753	22.998.151.718	-	54.372.080.242
Tăng do hợp nhất kinh doanh	80.985.781.705	92.577.285.576	-	664.207.000	157.707.988.195	112.251.708	332.047.514.184
Số dư cuối kỳ	**90.453.773.928**	**179.612.598.185**	**113.375.157**	**49.040.302.900**	**- 258.124.345.913**	**112.251.708**	**577.456.647.791**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu kỳ	**4.821.741.794**	**80.870.957.328**	**18.041.013**	**44.125.175.199**	**163.579.133.147**	**-**	**293.415.048.481**
Số dư cuối kỳ	**151.389.568.296**	**181.384.060.212**	**143.919.254**	**37.393.669.446**	**422.526.902.297**	**-**	**792.838.119.505**

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	**35.093.712.424**
Tăng trong kỳ	-
Giảm do nhượng bán	-
Số dư cuối kỳ	**35.093.712.424**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	**11.339.770.617**
Khấu hao trong kỳ	1.796.186.784
Giảm do nhượng bán	-
Số dư cuối kỳ	**13.135.957.401**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	**23.753.941.807**
Tại ngày cuối kỳ	**21.957.755.023**

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	**2.966.795.730**
Số dư cuối kỳ	**2.966.795.730**
PHÂN BỔ LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	**1.063.101.811**
Phân bổ trong kỳ	222.509.682
Số dư cuối kỳ	**1.285.611.493**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	**1.903.693.919**
Tại ngày cuối kỳ	**1.681.184.237**

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 30/09/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	46.000.000.000	46.000.000.000
	46.000.000.000	**46.000.000.000**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 01/01/2026		Trong kỳ		Tại 30/09/2026	
		VND		VND		VND
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Đầu tư vào các công ty liên kết	Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.933.000.000	3.869.269.818	-	69.630.151	3.933.000.000	3.938.899.969
Công ty TNHH VVT Việt Nam	3.337.000.000	3.183.728.275	-	(15.263.318)	3.337.000.000	3.168.464.957
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.225.100.000	4.722.671.788	-	79.101.533	4.225.100.000	4.801.773.321
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	4.018.200.000	4.323.099.500	-	123.011.946	4.018.200.000	4.446.111.446
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	4.026.400.000	4.286.309.236	-	111.695.879	4.026.400.000	4.398.005.115
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	-	-	3.900.000.000	5.550.070	3.900.000.000	3.905.550.070
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	-	-	3.800.000.000	10.647.618	3.800.000.000	3.810.647.618
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	-	-	3.900.000.000	9.187.901	3.900.000.000	3.909.187.901
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	-	-	4.000.000.000	71.916.107	4.000.000.000	4.071.916.107
Công ty TNHH NHY Việt Nam	-	-	4.000.000.000	(44.337.224)	4.000.000.000	3.955.662.776
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	-	-	4.000.000.000	8.959.517	4.000.000.000	4.008.959.517
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	-	-	4.000.000.000	28.277.692	4.000.000.000	4.028.277.692
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	-	-	4.000.000.000	27.845.384	4.000.000.000	4.027.845.384
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	-	-	3.900.000.000	17.329.934	3.900.000.000	3.917.329.934
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	-	-	3.900.000.000	(9.819.301)	3.900.000.000	3.890.180.699
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	-	-	3.900.000.000	(15.268.055)	3.900.000.000	3.884.731.945
Công ty TNHH NDT Việt Nam	-	-	4.000.000.000	(32.091.166)	4.000.000.000	3.967.908.834
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	-	-	3.900.000.000	(16.760.470)	3.900.000.000	3.883.239.530
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	-	-	3.900.000.000	(1.679.034)	3.900.000.000	3.898.320.966
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	-	-	3.900.000.000	(13.284.146)	3.900.000.000	3.886.715.854
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	-	-	4.000.000.000	(10.639.281)	4.000.000.000	3.989.360.719
	19.539.700.000	**20.385.078.617**	**63.000.000.000**	**404.011.737**	**82.539.700.000**	**83.789.090.354**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán do đây là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

16. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch khấu hao tài sản cố định tạm thời được khấu trừ	143.298.399	124.939.707
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	529.631.813	661.838.012
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	364.361.265	386.198.319
	1.037.291.477	**1.172.976.038**

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Các khoản dự phòng	-	207.021.339
	-	**207.021.339**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026		Tại 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp LK	-	-	494.515.200	494.515.200
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ CA Thăng Long	717.691.668	717.691.668	227.360.000	227.360.000
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	-	-	945.517.936	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	113.260.000	113.260.000	-	-
Công ty TNHH Phú Gia Contruction	318.492.697	318.492.697	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	445.611.648	445.611.648	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	237.936.556	237.936.556	766.966.463	766.966.463
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	18.360.000	18.360.000	-	-
	1.851.352.569	**1.851.352.569**	**2.434.359.599**	**2.434.359.599**

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.511.361.087	1.604.528.548
Chi phí lãi vay	310.584.372	204.524.739
Các khoản trích trước khác	190.122.702	586.250.000
	3.012.068.161	**2.395.303.287**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2026	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/09/2026
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	260.998.161	-	1.688.453.266	1.086.560.515	862.890.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.754.062.056	3.335.470.059	5.149.816.973	5.089.532.115	5.149.816.973
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	543.398	511.159.157	568.607.339	26.107.769
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	33.472.532	33.472.532	-
	2.098.072.770	**3.336.013.457**	**7.382.901.928**	**6.778.172.501**	**6.038.815.654**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 31)	829.440.000	-
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	*829.440.000*	-
Phải trả các đơn vị khác	1.412.281.000	-
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	*1.399.680.000*	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	*12.601.000*	
	2.241.721.000	-

Tập đoàn không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán

21. VAY

	Tại 01/01/2026		Số phát sinh trong năm			Phân loại lại theo lịch trả nợ		Tại 30/09/2026	
		VND			VND				VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn									
Vay cá nhân	340.000.000	340.000.000		780.000.000	1.120.000.000	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (i)	66.135.600.000	66.135.600.000	67.500.000.000	-	101.281.900.000	94.464.986.956	-	126.818.686.956	126.818.686.956
	66.475.600.000	**66.475.600.000**	**67.500.000.000**	**780.000.000**	**102.401.900.000**	**94.464.986.956**	**-**	**126.818.686.956**	**126.818.686.956**
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng và công ty tài chính (i)	105.757.205.058	105.757.205.058	281.250.000.000	26.126.608.426	21.283.908.426	-	94.464.986.956	297.384.918.102	297.384.918.102
	105.757.205.058	**105.757.205.058**	**281.250.000.000**	**26.126.608.426**	**21.283.908.426**	**-**	**94.464.986.956**	**297.384.918.102**	**297.384.918.102**
TỔNG CỘNG	**172.232.805.058**	**172.232.805.058**	**348.750.000.000**	**26.906.608.426**	**123.685.808.426**	**94.464.986.956**	**94.464.986.956**	**424.203.605.058**	**424.203.605.058**

21. VAY *(tiếp theo)*

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Ngân hàng	Tại 30/09/2026 *(VND)*	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất *(%/năm)*	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	57.759.308.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 08 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6% -10,5%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	7.080.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 10 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%-11,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	301.500.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 07 năm 2031. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,2%-8,9%	- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Toàn bộ máy móc, thiết bị và các bất động sản khác thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Quyền tài sản phát sinh từ dự án; - 60% cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	27.765.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,1% - 9,2%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.

21. VAY *(tiếp theo)*

Ngân hàng	Tại 30/09/2026 *(VND)*	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất *(%/năm)*	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	19.818.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,9%-9,6%	-Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền sử dụng đất của bên thứ ba; - Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện, quyền thụ hưởng từ các khoản bồi thường thiệt hại liên quan đến dự án.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	7.660.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,5% - 9,2%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	2.620.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	9,4%-10,1%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**424.203.605.058**			
Trong đó				
Vay dài hạn đến hạn trả	126.818.686.956			
Vay dài hạn	297.384.918.102			

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	**210.000.000.000**	**-**	**8.415.375.558**	**47.428.082.665**	**-**	**265.843.458.223**
Tăng/(giảm) vốn trong KỲ	210.000.000.000	(508.500.000)	-	-	-	209.491.500.000
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	114.103.812.384	16.829.977.362	130.933.789.746
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	-	-	(1.084.377.372)	-	(1.084.377.372)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	193.308.169.943	193.308.169.943
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	**420.000.000.000**	**(508.500.000)**	**8.415.375.558**	**160.447.517.677**	**210.138.147.305**	**798.492.540.540**

(i) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026.

Cổ phiếu	**Tại 30/09/2026**	**Tại 01/01/2026**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*42.000.000*	*21.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*42.000.000*	*21.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 3 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại ngày 30/09/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	291.120.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	128.880.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	420.000.000.000	**100%**	**210.000.000.000**	**100%**

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Doanh thu bán điện	63.850.991.271	22.828.611.376
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	3.926.393.248	3.408.851.880
Doanh thu cho thuê	619.720.869	619.720.869
	68.397.105.388	**26.857.184.125**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	1.896.780.268	360.000.000

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Giá vốn bán điện	29.188.571.119	14.359.126.316
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	2.412.548.354	1.828.863.067
Giá vốn hoạt động cho thuê	673.157.595	673.157.595
	32.274.277.068	**16.861.146.978**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.394.495.732	2.555.084.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	22.011.360.957	10.606.892.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.378.831.899	5.762.467.869
Chi phí khác bằng tiền	82.055.630	57.025.642
	34.866.744.218	**18.981.470.582**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Lãi tiền gửi và các khoản đầu tư	13.053.384	4.833.309
	13.053.384	**4.833.309**

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Lãi tiền vay	10.272.460.607	3.731.762.618
Chi phí tài chính khác	30.147.141	61.965.323
	10.302.607.748	**3.793.727.941**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	813.161.585	614.533.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.651.861	38.161.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.672.428.180	1.352.963.846
Phân bổ lợi thế thương mại	74.169.894	74.169.894
Chi phí khác bằng tiền	2.055.630	40.495.315
	2.592.467.150	**2.120.323.604**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

Căn cứ theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, năm 2026 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con năm 2026 là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các tỉnh Lâm Đồng là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại Xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được áp dụng mức thuế suất 17% trong thời gian 10 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ngoài ra có một công ty con của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") 10% áp dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh điện trong vòng 15 năm kể từ thời điểm dự án bắt đầu hoạt động (là năm 2019). Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện. Hết thời hạn hưởng ưu đãi thuế, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN theo các quy định hiện hành.

Trong năm, một số công ty con của Công ty đã áp dụng giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 đối với thu nhập của công ty có mức doanh thu năm không quá 10 tỷ đồng căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 43/2026/QH16 Nghị quyết về giảm thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp ban hành hành có hiệu lực từ ngày 24 tháng 8 năm 2026.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản dự phòng	(207.021.339)	(126.364.151)
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch đánh giá lại tài sản hợp nhất kinh doanh	21.837.054	21.837.054
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại từ chênh lệch khấu hao tài sản cố định	(18.358.692)	(18.358.692)
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại từ khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	132.206.199	1.008.202.303
Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(71.336.778)**	**885.316.514**

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	15.676.318.775	3.400.341.596
Trích quỹ khen thưởng	-	(272.027.328)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	15.676.318.775	3.128.314.268
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	33.307.692	21.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**471**	**149**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.000.000	21.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 4 năm 2026	12.307.692	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	**33.307.692**	**21.000.000**

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2026)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2022)
	Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024)
	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Uỷ Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Thành viên Uỷ Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty Cổ phần công nghệ EC	Bên liên quan khác

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	95.747.108	72.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	88.408.548	72.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	90.692.348	72.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	90.469.388	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	88.408.548	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	88.926.868	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	90.391.788	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	90.832.508	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	88.849.268	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	93.116.308	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	90.692.348	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	90.692.348	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	88.337.788	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	86.354.548	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	92.189.788	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	90.206.548	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	88.988.428	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	93.329.348	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	93.329.348	Chưa là bên liên quan
	1.896.780.268	**360.000.000**
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty cổ phần công nghệ EC	51.000.000	Chưa là bên liên quan
	51.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)		
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
	544.320.000	**336.960.000**

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
	829.440.000	-

	Tại 30/09/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần công nghệ EC	18.360.000	-
	18.360.000	-

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND
Hội đồng Quản trị	**234.000.000**	**180.000.000**
Ông Phan Thành Đạt	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	18.000.000	45.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	45.000.000	45.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	27.000.000	-
Phạm Thị Thu Trang	27.000.000	-
Nguyễn Minh Hoàng	27.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**2.179.103.561**	**1.686.410.520**
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	872.376.335	654.324.633
Ông Bùi Tuấn Dương	813.234.810	612.755.350
Bà Lê Thị Trang	493.492.416	419.330.537
Ban Kiểm soát	**39.600.000**	**99.000.000**
Ông Trần Minh Đức	18.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	10.800.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	10.800.000	27.000.000

32. NỢ TIỀM TÀNG

Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SDTT") và Công ty Mua bán điện ("EPTC") về phương án tháo gỡ vướng mắc Dự án Nhà máy điện Thuận Minh 2, EPTC đã đưa ra các ý kiến như sau:

- Sản lượng điện thu hồi là sản lượng từ thời điểm Dự án được công nhận ngày vận hành thương mại (COD - ngày 27/6/2019) đến thời điểm ngày Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo chấp nhận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng và cho phép đưa vào sử dụng (CCA – ngày 21/9/2022). SDTT đã thống kê sản lượng thu hồi trên (212.216.236 kWh) và gửi cho EPTC nhưng chưa nhận được đối soát và ký xác nhận.

- Phương án mua bán điện cho sản lượng thu hồi: Kể từ thời điểm hợp đồng mua bán điện sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, EVN sẽ thanh toán cho SDTT sản lượng điện năng giao nhận với giá 1.184,9 VND/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT) cho tới khi sản lượng điện lũy kế bằng sản lượng điện thu hồi nêu trên. Kể từ thời điểm sản lượng điện lũy kế bằng sản lượng điện thu hồi nêu trên, EVN thanh toán sản lượng điện năng giao nhận theo quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Nội dung của biên bản làm việc là phương án được EPTC ghi nhận để tổng hợp và báo cáo các cấp có thẩm quyền. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Tập đoàn chưa đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này lên Báo cáo tài chính hợp nhất.

33. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành
- Lĩnh vực cho thuê tài sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Kỳ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	169.974.926.830	10.889.823.288	1.859.162.607	182.723.912.725
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***169.974.926.830***	***10.889.823.288***	***1.859.162.607***	***182.723.912.725***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	94.146.757.284	3.351.258.652	(160.310.178)	97.337.705.758
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.086.224.675)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				88.251.481.083
Doanh thu hoạt động tài chính				270.309.620
Chi phí tài chính				(24.636.322.694)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				404.011.737
Thu nhập khác				71.849.981.733
Chi phí khác				(127.191.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.149.816.973)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				71.336.778
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***130.933.789.746***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***155.092.593***	-	-	***155.092.593***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	***58.991.418.712***	-	***1.796.186.784***	***60.787.605.496***
Kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74.100.190.043	10.567.455.280	1.862.662.607	86.530.307.930
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***74.100.190.043***	***10.567.455.280***	***1.862.662.607***	***86.530.307.930***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.818.921.745	3.836.932.047	(156.810.178)	34.499.043.614
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.984.914.608)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				27.514.129.006
Doanh thu hoạt động tài chính				20.134.430
Chi phí tài chính				(12.214.646.985)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				541.533.156
Thu nhập khác				347.480.812
Chi phí khác				(88.346.176)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.540.127.509)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(885.316.514)

	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***13.694.840.220***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	***33.118.123.232***	-	***1.796.186.784***	***34.914.310.016***

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.120.421.458.365	2.321.521.720	24.968.578.549	1.147.711.558.634
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				97.360.387.875
Tổng tài sản				***1.245.071.946.509***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.299.973.007	2.052.105.722	284.470.872	6.636.549.601
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				439.942.856.368
Tổng nợ phải trả				***446.579.405.969***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355.515.081.362	2.978.743.421	3.712.672.922	362.206.497.705
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				85.371.638.519
Tổng tài sản				***447.578.136.224***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	578.501.315	2.021.882.748	234.097.933	2.834.481.996
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				178.900.196.005
Tổng nợ phải trả				***181.734.678.001***

34. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính hợp nhất. Các giả định và ước tính quan trọng được Người đại diện theo pháp luật đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Ước tính dưới đây được Người đại diện theo pháp luật xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế, với thời gian khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản được trình bày tại Thuyết minh số 11

và Thuyết minh số 12. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 1.405.388.479.720 VND, giá trị còn lại 814.795.874.528 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính thời gian sử dụng hữu ích phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện vận hành, mức độ hao mòn của từng nhóm tài sản, mức điều chỉnh ước tính và thời điểm phát sinh thay đổi. Do các yếu tố này khác nhau giữa từng nhóm tài sản, Người đại diện pháp luật không có cơ sở phù hợp để đáp ứng một giả định chung nhằm xác định một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ảnh hưởng cụ thể sẽ được xác định khi Công ty có đầy đủ căn cứ để điều chỉnh ước tính.

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 19 tháng 10 năm 2026, Công ty nhận được Quyết định số 791/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, hiện tại Công ty đang thực hiện hoàn tất các thủ tục theo quy định.

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đỗ Thị Trang	**Lê Thị Trang**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 26 tháng 10 năm 2026